

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	7 – 57
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>14– 57</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 12 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2021.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 0766 074 787
Mã số thuế : 0 1 0 7 7 9 5 9 4 4

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 57).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, Công ty đã được UBCK cấp Giấy chứng nhận Chào bán cổ phiếu ra công chúng số 89/GNĐ-UBCK. Theo đó Công ty được đăng ký chào bán lần đầu ra công chúng 28.000.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời điểm phát hành báo cáo này, các cổ đông và nhà đầu tư đang trong quá trình nộp tiền mua cổ phần theo Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 15/2021/TB-BAF ngày 29/07/2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên thì không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phan Ngọc Ân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Bùi Hương Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 21/7/2020 và Miễn nhiệm ngày 02/3/2021
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/7/2020
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
Bà Vũ Thị Thùy Dung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/3/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02/3/2021
Bà Dương Thị Hồng Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/3/2021
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/3/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Ân	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Bùi Hương Giang

Số : 2005.03/2021/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2021 từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa hợp nhất niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.133.384.117.909	4.665.386.022.190
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	187.597.922.500	68.075.924.740
1. Tiền	111		97.047.922.500	67.525.924.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.550.000.000	550.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	77.097.500.000	17.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	65.097.500.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	12.000.000.000	17.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.626.125.995.573	3.583.378.328.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.493.607.285.927	3.518.691.350.382
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	100.573.927.269	13.949.144.029
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	4.380.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	31.858.124.375	46.271.175.626
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		86.658.002	86.658.002
IV. Hàng tồn kho	140		1.232.866.004.408	989.390.585.293
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.232.866.004.408	989.390.585.293
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.696.695.428	7.541.184.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.039.459.021	4.083.045.676
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.655.328.994	3.404.383.257
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.907.413	53.755.185
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		833.147.686.680	580.446.573.650
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		102.310.194.158	91.985.367.223
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	19.440.794.158	21.275.967.223
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6a	82.869.400.000	70.709.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		397.601.419.831	213.768.283.403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	215.940.959.049	213.429.428.963
Nguyên giá	222		273.151.596.312	255.764.754.986
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.210.637.263)	(42.335.326.023)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	181.660.460.782	338.854.440
Nguyên giá	228		182.095.526.000	691.676.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(435.065.218)	(352.821.560)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	15.044.453.698	15.175.990.712
Nguyên giá	231		15.175.990.712	15.175.990.712
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(131.537.014)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	69.368.166.101	117.655.343.850
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		69.368.166.101	117.655.343.850
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		63.695.853.748	34.624.187.416
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	63.695.853.748	34.624.187.416
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		185.127.599.144	107.237.401.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	181.373.739.806	103.394.262.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.9	3.753.859.338	3.843.138.965
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.966.531.804.589	5.245.832.595.840

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.196.738.430.944	4.680.244.176.971
I. Nợ ngắn hạn	310		5.952.763.450.556	4.615.926.176.012
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	5.798.483.395.018	4.529.370.317.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	153.929.400	48.988.880.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	44.252.088.829	11.632.695.526
4. Phải trả người lao động	314		5.479.020.176	1.504.428.392
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.013.790.771	1.631.818.604
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	58.770.586.362	12.587.394.952
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	44.610.640.000	10.210.640.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		243.974.980.388	64.318.000.959
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	184.000.000.000	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	58.905.971.959	64.318.000.959
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	1.069.008.429	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		769.793.373.645	565.588.418.869
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	769.793.373.645	565.588.418.869
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		266.719.248.759	65.588.418.869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.602.091.168	19.761.620.663
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		201.117.157.591	45.826.798.206
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.074.124.886	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.966.531.804.589	5.245.832.595.840

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Đạt

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.251.315.245.083	6.636.286.034.902
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		111.350.061	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.251.203.895.022	6.636.286.034.902
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.975.151.068.758	6.529.868.671.451
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		276.052.826.264	106.417.363.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	732.203.170	1.252.752.418
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.422.213.980	76.845.187.250
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.422.213.980	76.305.904.326
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(328.333.668)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.849.907.482	657.883.755
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.022.429.950	5.292.849.528
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		245.162.144.354	24.874.195.336
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.399.940.553	484.508.340
13. Chi phí khác	32	VI.8	397.187.458	240.690.882
14. Lợi nhuận khác	40		1.002.753.095	243.817.458
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		246.164.897.449	25.118.012.794
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	43.991.767.158	5.023.602.559
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.20	1.069.008.429	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>201.104.121.862</u>	<u>20.094.410.235</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>201.117.157.591</u>	<u>20.094.410.235</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(13.035.729)</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.022</u>	<u>2.009</u>

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Đạt

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		246.164.897.449	25.118.012.794
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.529.072.739	5.130.212.652
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.931.229.221)	(828.441.550)
- Chi phí lãi vay	06		4.422.213.980	76.305.904.326
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		265.184.954.947	105.725.688.222
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.068.451.889.388)	761.300.852.808
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(243.475.419.115)	279.505.867.571
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.413.367.263.481	(22.411.461.337)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(42.650.391.070)	5.766.847.933
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(65.097.500.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.662.860.555)	(76.305.904.326)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.613.593.800)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		243.600.564.500	1.053.581.890.871
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(160.848.873.091)	(12.294.152.234)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.208.894.500	2.375.096.764
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(64.698.516.806)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	14.167.961.374
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.714.758.858)	(18.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.088.199.709	828.441.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(153.066.537.740)	(77.621.169.352)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		50.000.000.000	1.062.551.555.272
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.012.029.000)	(1.904.172.869.189)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		28.987.971.000	(841.621.313.917)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		119.521.997.760	134.339.407.602
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	68.075.924.740	29.482.879.719
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	187.597.922.500	163.822.287.321

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Đạt

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:**
Ngành nghề chính của Công ty trong năm Công ty gồm:
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...
+ Chăn nuôi hỗn hợp
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021:** 570 người (tại ngày 31/12/2020 là 378 người)
- Hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Hoạt động kinh doanh nông sản: Giá thị trường của hàng nông sản tăng làm cho lợi nhuận tăng.
Hoạt động chăn nuôi: Quy mô sản xuất (tổng đàn lợn) gia tăng kèm theo số lượng sản phẩm phân phối đạt mức cao so với cùng kỳ năm trước làm cho lợi nhuận tăng.

7. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con được hợp nhất:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Thửa đất 4,6,7,8, tờ bản đồ 109 xã Suối Dây, huyện Tân Châu,	Chăn nuôi	99,40%	99,40%

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	tỉnh Tây Ninh, Việt Nam			
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%

Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Số 2, đường 8A, khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại nông sản	49,00%	49,00%

Công ty liên doanh liên kết không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited (*)	Plot No. B-1,2,3,4,65,66,67,68, Kwin No. 511-Kha and 519-Ka, Nyaung Napin Tract, Vegetable Production and Chicken Livestock Special Zone-1, Hmawbi Township, Yangon, Myanmar	Chăn nuôi	21,47%	21,47%

(*) Lý do không Hợp nhất: Do Công ty Myanmar BAF Joint Venture Company Limited đang trong giai đoạn đầu tư.

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST : 0107795944-003
Địa điểm kinh doanh 04 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh tạm ngừng hoạt động)	Ấp 04 - Xã Hòa Hội - Huyện Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu. MST : 0107795944-002

8. Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác (Heo)	04

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Sàn văn phòng	50

12. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Heo nọc, Heo nái

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước một lần được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

Là tiền thuê đất trả trước một lần được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Thời gian phân bổ căn cứ trên thời gian thuê trên từng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

13. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty là Thuế áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.953.305.876	7.478.354.069
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.094.616.624	60.047.570.671
Các khoản tương đương tiền	90.550.000.000	550.000.000
Cộng	<u>187.597.922.500</u>	<u>68.075.924.740</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Chứng khoán kinh doanh	65.097.500.000	-	65.097.500.000	-	-	-
Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh (1)	65.097.500.000	-	65.097.500.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	-	12.000.000.000	17.000.000.000	-	17.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn						
Ngân hàng TMCP SHB - CN Trung Hòa Nhân Chính (2)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh (3)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP SHB- PGD Bình Thạnh	-	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cộng	<u>77.097.500.000</u>	<u>-</u>	<u>77.097.500.000</u>	<u>17.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>17.000.000.000</u>

(1) Mua cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh (CQN) với số lượng 2.600.000 cổ phần.

(2) Số tiền gửi 2.000.000.000 VND tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Hợp đồng số 0001/260121/HĐTĐ/SHB.130102 ngày 26/01/2021, thời hạn gửi 12 tháng với lãi suất 4,9%/năm.

(3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 011220/HĐTĐ.TAL/TPB-BAF ngày 15/12/2020. Số tiền gửi 10.000.000.000 VND, kỳ hạn đầu tiên 12 tháng. Lãi suất tiền gửi 5,75%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam (1)	49 %	29.071.666.332	49%	-
MYANMAR BAF JOINT VENTURE COMPANY LIMITED (2)	21,47%	34.624.187.416	21,47%	34.624.187.416
Cộng		63.695.853.748		34.624.187.416

(1) Khoản đầu tư Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0316625505 cấp lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2020, thay đổi lần thứ 01 ngày 10 tháng 03 năm 2021. Đến nay Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021	29.400.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 30 tháng 06 năm 2021	49%
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(328.333.668)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	29.071.666.332

(11) Khoản đầu tư Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0316625505 cấp lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2020, thay đổi lần thứ 01 ngày 10 tháng 03 năm 2021. Đến nay Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam.

(2) Khoản góp vốn liên doanh với Myanmar BAF Feed Farm Food Co., Ltd và Viet Agro Pte Ltd để thành lập công ty liên doanh MYANMAR BAF JOINT VENTURE COMPANY LIMITED. Theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đăng ký điều chỉnh lần thứ 01 số 201800466 ngày 13/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đầu tư ra nước ngoài với số tiền 2.246.800 USD, trong đó: bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD; và bằng hàng hóa: 1.600.000 USD. Đến nay, Công ty đã đầu tư bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD, bằng hàng hóa: 847.899 USD tương đương 34.624.187.416 VND. Tương ứng với tỷ lệ góp vốn đến thời điểm này là 21,47%.

Công ty Myanmar BAF Joint Venture Company Limited đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có kết quả kinh doanh do đó Công ty chưa thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>903.406.280</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	861.406.280	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	42.000.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.492.703.879.647</i>	<i>3.518.691.350.382</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	645.354.322.265	257.584.809.315
Công ty Cổ phần OTE Group	231.791.780.160	579.479.450.400
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển dịch vụ Sơn La	566.527.610.604	133.292.885.000
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại XNK Tân Thành Nam	430.358.380.500	-
Công ty TNHH DT kinh doanh Nhật Tân	362.007.878.359	196.136.780.540
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	277.621.254.560	141.609.380.000
Công ty Cổ phần Nông sản Sông Lam	268.826.771.850	-
Công ty Cổ phần XNK rau quả 1	258.571.759.020	321.471.759.020
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	256.076.647.322	297.576.647.322
Công ty TNHH thương mại Hoàng Giang	99.812.699.073	249.531.747.682
Các khách hàng khác	1.095.754.775.934	1.342.007.891.103
Cộng	<u>4.493.607.285.927</u>	<u>3.518.691.350.382</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>100.573.927.269</i>	<i>13.949.144.029</i>
GENESUS, INC.	8.249.835.474	4.079.762.262
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ CK ô tô Liên Tựu	6.176.067.000	2.295.811.000
Công ty TNHH TV TKXD Thành Huy	2.755.290.502	1.722.322.520
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà (*)	27.263.365.136	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Syba (**)	14.050.000.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng Alpha (**)	16.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	26.079.369.157	5.851.248.247
Cộng	<u>100.573.927.269</u>	<u>13.949.144.029</u>

(*) Là khoản ứng trước cho các Hợp đồng xây dựng trại tại Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên.

(**) Là khoản ứng trước cho các Hợp đồng xây dựng trại tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	4.380.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	-	1.440.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	-	1.140.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	-	1.800.000.000
Cộng	-	4.380.000.000

b) Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	19.440.794.158	21.275.967.223
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (1)	4.606.023.270	5.572.002.164
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (2)	1.101.770.888	1.428.965.059
Công ty TNHH TM DV Thái Sơn Thụ (3)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hối (4)	3.608.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (5)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (6)	1.125.000.000	1.275.000.000
Cộng	19.440.794.158	21.275.967.223

(1) Là khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà vay theo các hợp đồng sau:

+ Phụ lục PL02/2019/BAF-LH ký ngày 04/01/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà. Số tiền cho vay 6.000.000.000 VND. Thời hạn trả gốc và lãi tương ứng 12 quý (từ quý 4/2019 đến quý 3/2022). Lãi suất cho vay: 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/ tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại để bàn giao đưa vào hoạt động. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cán trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý (trừ vào lãi trước và gốc sau).

+ Phụ lục số 03 ký ngày 25/09/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà; số tiền vay là 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 4 năm từ quý 4 năm 2019 đến quý 4 năm 2023. Lãi suất 1.08 %/tháng (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Nhằm lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho heo uống và sử dụng sinh hoạt cho toàn trang trại cho thuê. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cán trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý.

(2) Là khoản cho Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh vay theo phụ lục VI ký ngày 24/07/2018 kèm theo hợp đồng số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh; số tiền 2.000.000.000 VND. Thời hạn khoản vay là 36 tháng. Lãi suất 10,8 %/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Đầu tư xây dựng, lắp đặt bổ sung một số hạng mục của trang trại. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cán trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Phú Thịnh hàng quý.

(3) Là khoản cho Công ty TNHH TMDV Thái Sơn Thụ vay theo hợp đồng vay số 01.07.2020 ngày 01/07/2020, thời hạn vay: 2 năm, lãi suất 8%/năm, mục đích vay: Hỗ trợ hoàn thiện trang trại 2.100 heo nái tại địa chỉ ấp Lê Trang, xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(4) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi vay theo phụ lục V ký ngày 26/04/2019 kèm theo hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019 giữa công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi; số tiền 4.000.000.000 VND, thời hạn khoản vay 47 tháng bắt đầu từ tháng 5/2019 đến tháng 3/2023. Lãi suất 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại và đưa vào sử dụng. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Căn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Kim Hoi hàng quý, tính từ Quý 1 năm 2021.

(5): Khoản cho vay Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn theo hợp đồng vay ngày 01/07/2020. Thời hạn vay 30 tháng tính từ ngày 20/09/2020, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Xây dựng công trình, lắp đặt các thiết bị và xây dựng 01 bể chứa nước sạch 500m³ cho trang trại.

(6): Khoản cho vay Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội theo hợp đồng vay ngày 26/03/2020. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay: 8,5%. Mục đích vay: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn tại trang trại.

6. Phải thu ngắn hạn khác

a) Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	19.255.131.513	-	19.255.131.513	-
Tạm ứng thành viên Ban lãnh đạo	19.255.131.513	-	19.255.131.513	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	12.602.992.862	-	27.016.044.113	-
Tiền lãi cho vay	1.381.458.904	-	1.841.945.205	-
Tạm ứng	1.321.900.474	-	1.559.995.426	-
Đặt cọc	2.600.000	-	2.600.000	-
Ký cược ký quỹ	26.760.000	-	26.760.000	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh theo HĐ Số 18062020/NAK-BAF	-	-	4.000.000.000	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 theo HĐ số 07/2020/HĐNT-TTX1-BAF	-	-	6.000.000.000	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 theo HĐ số 07/2020/HĐNT-TTX2-BAF	-	-	4.500.000.000	-
Phải thu GENESUS, INC do heo chết Nhập khẩu	4.101.293.725	-	5.601.293.725	-
Phải thu AG WORLD INTERNATIONAL CORP do heo chết nhập khẩu	2.408.429.159	-	2.922.349.559	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.360.550.600	-	561.100.198	-
Cộng	31.858.124.375	-	46.271.175.626	-

(*) Khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Đức Thắng – Giám đốc dự án để đàm phán và nhận chuyển nhượng vốn góp từ các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn. Số tiền tạm ứng để đặt cọc mua cổ phần là 19.255.131.513 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b) Phải thu khác dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	82.869.400.000	-	70.709.400.000	-
Đặt cọc tiền thuê trại	62.970.000.000	-	62.970.000.000	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (1)	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (2)	13.440.000.000	-	13.440.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hoi (3)	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (4)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (5)	8.640.000.000	-	8.640.000.000	-
Bà Mai Thị Thuộc (6)	6.030.000.000	-	6.030.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Hương (7)	3.300.000.000	-	3.300.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	16.420.000.000	-	4.200.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	3.479.400.000	-	3.539.400.000	-
Cộng	82.869.400.000	-	70.709.400.000	-

(1) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 0102/2018/HĐCTTS ngày 01/02/2018. Thời gian thuê trại từ 01/02/2018 đến 01/07/2030, đặt cọc số tiền 1.620.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

+Hợp đồng số 01/2017/HĐCTTS ngày 01/07/2017. Thời gian thuê từ 1/7/2017 đến 1/7/2030, đặt cọc số tiền 6.000.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

Trong năm 2020, Công ty đã thu hồi khoản đặt cọc này do Trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Sơn Thụ không đảm bảo tiêu chuẩn theo thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

(2) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/1/2018. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 11.280.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(3) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 2017/CM-BAF ngày 10/2017. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 13.440.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(4) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 6.600.000.000 VND.

+Hợp đồng số 02-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 4.680.000.000 VND.

(5) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/1/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 9.000.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(6) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê trại chăn nuôi số 04/10/CNBS/BAFVN-2019 ngày 04/10/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 8.640.000.000 VND.

(7) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 01.02/2018HĐCTTS ngày 08/02/2018. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 2.730.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

+Hợp đồng số 02.07/2017/HĐCTTS ngày 21/06/2017. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày 01/09/2017 đến 01/09/2027, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(8) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 18/5/2019/HĐKT- TH- BAF ngày 18/05/2019. Thời gian thuê trại là 13 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.934.947.561	-	21.359.097.626	-
Công cụ, dụng cụ	1.207.381.522	-	132.366.416	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	308.690.450.009	-	117.003.766.096	-
Thành phẩm	6.983.538.467	-	2.488.425.803	-
Hàng hóa	888.049.686.849	-	848.406.929.352	-
Cộng	1.232.866.004.408	-	989.390.585.293	-

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	5.250.174.450	5.635.664.452
Heo nái, heo nọc	73.582.672.469	66.854.629.052
Tiền thuê đất trả trước 1 lần	102.495.892.887	30.843.968.577
<i>Quyền sử dụng đất tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành (1)</i>	<i>9.184.035.725</i>	<i>9.287.164.244</i>
<i>Quyền sử dụng đất tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh</i>	<i>10.366.303.215</i>	<i>10.525.784.810</i>
<i>Quyền sử dụng đất tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh</i>	<i>10.887.136.661</i>	<i>11.031.019.523</i>
<i>Quyền sử dụng đất tại Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1</i>	<i>21.689.910.000</i>	-
<i>Quyền sử dụng đất tại Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2</i>	<i>15.216.328.122</i>	-
<i>Quyền sử dụng đất tại Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh</i>	<i>7.894.112.694</i>	-
<i>Quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh</i>	<i>27.258.066.470</i>	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	45.000.000	60.000.000
Cộng	181.373.739.806	103.394.262.081

(1) Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á Châu

9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	Kỳ này
Số đầu năm	3.843.138.965
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	131.044.481
Điều chỉnh lợi thế thương mại do thay đổi tỷ lệ sở hữu	(16.492.709)
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	(203.831.399)
Cộng	3.753.859.338

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	144.420.634.912	44.253.038.967	14.160.625.452	1.985.626.747	50.944.828.908	255.764.754.986
Mua trong kỳ	5.348.040.668	9.554.061.332	3.084.890.000	-	215.691.733	18.202.683.733
Tăng trong kỳ do chuyển Heo thành TSCĐ từ Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	7.350.624.331	7.350.624.331
Giảm do heo chết	-	-	-	-	(8.166.466.738)	(8.166.466.738)
Số cuối kỳ	149.768.675.580	53.807.100.299	17.245.515.452	1.985.626.747	50.344.678.234	273.151.596.312
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	24.518.049.986	8.241.253.515	3.940.875.383	444.952.669	5.190.194.470	42.335.326.023
Khấu hao trong kỳ	4.919.148.148	3.031.106.041	1.275.713.669	179.482.353	6.909.841.856	16.315.292.067
Giảm cho heo chết	-	-	-	-	(1.439.980.827)	(1.439.980.827)
Số cuối kỳ	29.437.198.134	11.272.359.556	5.216.589.052	624.435.022	10.660.055.499	57.210.637.263
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	119.902.584.926	36.011.785.452	10.219.750.069	1.540.674.078	45.754.634.438	213.429.428.963
Số cuối kỳ	120.331.477.446	42.534.740.743	12.028.926.400	1.361.191.725	39.684.622.735	215.940.959.049

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 83.660.089.983 VND và 60.200.602.275 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 48.918.121.630 VND và 47.161.700.533 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	33.000.000	658.676.000	691.676.000
Mua trong kỳ	-	-	554.540.000	554.540.000
Tăng từ Xây dựng cơ bản	180.849.310.000	-	-	180.849.310.000
Số cuối kỳ	180.849.310.000	33.000.000	1.213.216.000	182.095.526.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	33.000.000	-	33.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	27.683.343	325.138.217	352.821.560
Khấu hao trong kỳ	-	5.316.657	76.927.001	82.243.658
Số cuối kỳ	-	33.000.000	402.065.218	435.065.218
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	5.316.657	333.537.783	338.854.440
Số cuối kỳ	180.849.310.000	-	811.150.782	181.660.460.782

(*) Là các quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CM 602457 cấp ngày 22 tháng 03 năm 2019 tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ 136B Mai Chí Thọ, khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh; diện tích 933,8m²; với nguyên giá là 103.000.000.000 VND, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng lâu dài.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CC 789064 cấp ngày 02 tháng 03 năm 2016 tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ 135E Mai Chí Thọ, Khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh; diện tích 553,3m²; với nguyên giá 77.849.310.000 VND, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng lâu dài.

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	15.175.990.712	-	15.175.990.712
Tăng trong kỳ	-	(131.537.014)	(131.537.014)
Số cuối kỳ	15.175.990.712	(131.537.014)	15.044.453.698

Bất động sản đầu tư của Công ty gồm:

+ Căn hộ chung cư số 1407, diện tích 172,2 m² tại Khu D, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 333969 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 14/11/2017, nguyên giá là 1.065.760.712 VND.

+ Bất động sản đầu tư là sàn văn phòng ô số 4, tầng 12A, diện tích 389.7 m² tại địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 505014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 07/02/2020, nguyên giá là 14.110.230.000 VND. Công đã chuyển từ bất động sản chờ tăng giá sang cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Heo chết	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	96.542.287.798	93.217.806.792	(188.199.934.331)	(1.465.172.297)	94.987.962
Heo nái	6.542.287.798	2.368.496.792	(7.350.624.331)	(1.465.172.297)	94.987.962
Khu đất 136 B Mai Chí Thọ, Khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2 thành phố Hồ Chí Minh	90.000.000.000	13.000.000.000	(103.000.000.000)	-	-
Khu đất 135 E Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2 thành phố Hồ Chí Minh	-	77.849.310.000	(77.849.310.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	21.113.056.052	48.160.122.087	-	-	69.273.178.139
Hệ thống Silo và đường tải cám	5.698.963.760	-	-	-	5.698.963.760
<i>Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BP1</i>	<i>2.134.178.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.134.178.000</i>
<i>Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BP2</i>	<i>827.085.400</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>827.085.400</i>
<i>Hệ thống Silo và đường tải cám Trại VT</i>	<i>1.571.998.360</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.571.998.360</i>
<i>Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BT</i>	<i>1.165.702.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.165.702.000</i>
Hệ thống trộn Premix và khung thép kho bao	990.000.000	-	-	-	990.000.000
Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải Trại BP1	2.899.841	5.638.731.530	-	-	5.641.631.371
<i>Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải trại BP1</i>	<i>-</i>	<i>588.263.714</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>588.263.714</i>
<i>Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải trại BP2</i>	<i>2.899.841</i>	<i>698.086.900</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>700.986.741</i>
<i>Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải trại VT1</i>	<i>-</i>	<i>1.065.976.121</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.065.976.121</i>
<i>Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải trại BT1</i>	<i>-</i>	<i>1.208.689.560</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.208.689.560</i>
<i>Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải trại BT2</i>	<i>-</i>	<i>1.035.812.662</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.035.812.662</i>
<i>Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải trại DL1</i>	<i>-</i>	<i>122.960.150</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>122.960.150</i>
<i>Công trình An toàn sinh học, xử lý nước thải trại TH1</i>	<i>-</i>	<i>918.942.423</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>918.942.423</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Heo chết	Số cuối năm
Hệ thống chống sét lan truyền	1.552.188.375	-	-	-	1.552.188.375
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại DL1</i>	<i>170.437.778</i>	-	-	-	<i>170.437.778</i>
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BD3</i>	<i>245.650.075</i>	-	-	-	<i>245.650.075</i>
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BP1</i>	<i>122.810.100</i>	-	-	-	<i>122.810.100</i>
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BP2</i>	<i>159.418.870</i>	-	-	-	<i>159.418.870</i>
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BT1</i>	<i>233.695.407</i>	-	-	-	<i>233.695.407</i>
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BT2</i>	<i>198.638.589</i>	-	-	-	<i>198.638.589</i>
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại VT1</i>	<i>261.363.784</i>	-	-	-	<i>261.363.784</i>
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BD2</i>	<i>160.173.772</i>	-	-	-	<i>160.173.772</i>
Xây dựng Công trình trại BP2	1.216.720.000	-	-	-	1.216.720.000
Hệ thống nguồn Silo	41.201.000	-	-	-	41.201.000
<i>Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại VT1</i>	<i>29.707.000</i>	-	-	-	<i>29.707.000</i>
<i>Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại BP1</i>	<i>11.494.000</i>	-	-	-	<i>11.494.000</i>
Thi công hàng rào bảo vệ khu đất Mai Chí Thọ	76.010.000	-	-	-	76.010.000
Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Khu công nghiệp Nam Cẩm	-	247.500.000	-	-	247.500.000
Khoan giếng trại BT1	-	473.000.000	-	-	473.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	5.321.266.892	1.651.895.660	-	-	6.973.162.552
<i>Hệ thống xử lý nước thải</i>	<i>1.022.156.892</i>	-	-	-	<i>1.022.156.892</i>
<i>Hệ thống silo và đường tải cám</i>	<i>4.299.110.000</i>	<i>1.651.895.660</i>	-	-	<i>5.951.005.660</i>
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	-	1.840.000.000	-	-	1.840.000.000
<i>Xây dựng hệ thống trang trại lợn</i>	-	<i>1.840.000.000</i>	-	-	<i>1.840.000.000</i>
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	5.431.244.839	34.485.890.616	-	-	39.917.135.455
<i>Thi công xây dựng trang trại nuôi heo nái sinh sản Anh Vũ</i>	<i>5.431.244.839</i>	<i>34.485.890.616</i>	-	-	<i>39.917.135.455</i>
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH	-	45.154.281	-	-	45.154.281

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Heo chết	Số cuối năm
Đầu Tư Trang Trại Xanh I					
<i>Xây dựng hệ thống trang trại lợn</i>	-	45.154.281	-	-	45.154.281
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	-	3.400.000.000	-	-	3.400.000.000
<i>Công trình Dự án trang trại nuôi heo công nghệ cao Sông Hình</i>	-	3.400.000.000	-	-	3.400.000.000
Các công trình khác	-	45.000.000	-	-	45.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	782.561.345	332.950.000	-	-	1.115.511.345
Cải tạo Trại VT1	782.561.345	-	-	-	782.561.345
Cải tiến máy ép đùn		332.950.000	-	-	332.950.000
Cộng	117.655.343.850	141.377.928.879	(188.199.934.331)	(1.465.172.297)	69.368.166.101

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>5.798.483.395.018</i>	<i>4.529.370.317.713</i>
Công ty Cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	954.377.477.850	410.855.568.430
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	545.191.533.800	193.033.011.406
Công ty Cổ phần Nông sản Bờ biển Ngà	552.555.813.977	468.332.271.977
Công ty Cổ phần Otran Logistics	198.085.371.360	495.213.428.400
Công ty TNHH SX TM DV Sơn Hưng	493.687.075.640	194.641.918.800
Công ty Cổ phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	410.399.224.973	7.099.376.173
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp An Điền	369.016.038.550	191.970.337.500
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại và Dịch vụ Tân Mai	276.924.961.000	149.271.439.260
Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần	268.114.071.950	301.114.071.950
Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân	231.667.350.130	111.808.684.100
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần	208.733.152.640	58.412.641.200
Công ty Cổ phần XNK Rau Quả	203.286.487.680	-
Các nhà cung cấp khác	1.086.444.835.468	1.947.617.568.517
Cộng	<u>5.798.483.395.018</u>	<u>4.529.370.317.713</u>

b) Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>184.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	184.000.000.000	-
Cộng	<u>184.000.000.000</u>	<u>-</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	-	48.323.346.825
Ông Huỳnh Quang Cảnh	100.000.000	-
Các khách hàng khác	53.929.400	665.534.000
Cộng	<u>153.929.400</u>	<u>48.988.880.825</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	53.755.185	240.335.791	(28.000.000)	158.580.606	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.632.695.526	-	43.991.767.158	(11.613.593.800)	44.010.868.884	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	514.169.426	(433.437.500)	82.639.339	1.907.413
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	387.310.000	(387.310.000)	-	-
Cộng	<u>11.632.695.526</u>	<u>53.755.185</u>	<u>45.133.582.375</u>	<u>(12.462.341.300)</u>	<u>44.252.088.829</u>	<u>1.907.413</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, Đối với các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Chính sách thuế tại Các công ty con: Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm và miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	759.353.425	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam- Chi phí lãi vay phải trả	759.353.425	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	254.437.346	1.631.818.604
Trích trước chi phí tiền điện	211.488.827	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	42.948.519	1.631.818.604
Cộng	1.013.790.771	1.631.818.604

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	58.770.586.362	12.587.394.952
Bảo hiểm xã hội	128.068.400	-
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Hoàng Văn Định (CSH Công ty Bảo Ngọc)	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng (CSH Công ty Bắc An Khánh)	-	4.200.000.000
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng (CSH Công ty Đông An Khánh)	2.600.000.000	5.000.000.000
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng (CSH Công ty Nam An Khánh)	4.600.000.000	-
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Thái Trường Giang (CSH Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh)	39.280.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.162.517.962	387.394.952
Cộng	58.770.586.362	12.587.394.952

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	34.400.000.000	34.400.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam (1)	34.400.000.000	34.400.000.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	10.210.640.000	10.210.640.000	10.210.640.000	10.210.640.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	2.324.000.000	2.324.000.000	2.324.000.000	2.324.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	7.886.640.000	7.886.640.000	7.886.640.000	7.886.640.000
Cộng	44.610.640.000	44.610.640.000	10.210.640.000	10.210.640.000

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam theo hợp đồng vay ngày 09/03/2021. Thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 6%. Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ		Số cuối năm
			vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	50.000.000.000	-	(15.600.000.000)	34.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.210.640.000	-	5.412.029.000	(5.412.029.000)	10.210.640.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang (1)	2.324.000.000	-	1.140.000.000	(1.140.000.000)	2.324.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (2)	7.886.640.000	-	4.272.029.000	(4.272.029.000)	7.886.640.000
Cộng	10.210.640.000	50.000.000.000	5.412.029.000	(21.012.029.000)	44.610.640.000

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	58.905.971.959	58.905.971.959	64.318.000.959	64.318.000.959
Vay dài hạn ngân hàng	58.905.971.959	58.905.971.959	64.318.000.959	64.318.000.959
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang (1)	26.155.220.959	26.155.220.959	27.295.220.959	27.295.220.959
Ngân hàng TMCP Á Châu (2)	32.750.751.000	32.750.751.000	37.022.780.000	37.022.780.000
Cộng	58.905.971.959	58.905.971.959	64.318.000.959	64.318.000.959

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc theo hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 37807/19MN/HĐTD. Mục đích của khoản vay là Bổ sung vốn/Bù đắp phần Vốn tự có dùng để đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 12.000 heo hậu bị tại Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Đầu tư thi công xây dựng và các chi phí khác để đầu tư chuồng trại. Hạn mức cho vay tối đa là 19.951.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.

+ Hợp đồng tín dụng số 37806/19MN/HĐTD. Mục đích của khoản vay là Bổ sung vốn/Bù đắp phần Vốn tự có dùng để đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 12.000 heo hậu bị tại Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Đầu tư máy móc thiết bị. Hạn mức cho vay tối đa là 12.409.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.

Khoản vay của 2 hợp đồng trên được bảo đảm bởi các tài sản sau:

- BDS tọa lạc tại Thửa đất số 1+1+2, tờ bản đồ số 34+47, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Thuộc sở hữu của : Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc

- Tài sản là trang trại chăn nuôi 12.000 heo hậu bị (gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị) hình thành trong tương lai được xây dựng trên thửa đất số 1+1+2, tờ bản đồ số 34+47, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Thuộc sở hữu của : Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.547.060917 ngày 08 tháng 9 năm 2017. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 10.000 heo hậu bị cho thuê. Số tiền cho vay là 5.000.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.143.140217 ngày 14 tháng 2 năm 2017. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 10.000 heo hậu bị tại Tây Ninh. Số tiền cho vay là 27.000.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.835.190416 ngày 21 tháng 4 năm 2016. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 2.400 heo nái tại Tây Ninh. Số tiền cho vay là 32.500.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HON.DN.307.191016 ngày 21 tháng 10 năm 2016. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi 2.400 heo nái tại Tây Ninh. Số tiền cho vay là 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay là 120 tháng.

Khoản vay của 4 hợp đồng trên được bảo đảm bởi các tài sản sau:

- Bất động sản tại: Thửa đất số 1434, Tờ bản đồ số 5, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh

Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
Trị giá: 4.345.000.000 đồng

- Bất động sản tại: Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản tại Thửa đất số 1434, Tờ bản đồ số 5, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
Trị giá: 42.739.000.000 đồng

- Bất động sản tại: Thửa đất số 601, Tờ bản đồ số 18, Ấp Hòa Đông A, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.

Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
Trị giá: 5.355.000.000 đồng

- Bất động sản tại: 47/86A Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Phạm Hùng Thắng, Trần Thị Diệu Linh

Trị giá: 4.024.000.000 đồng

- Bất động sản tại: Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là trang trại chăn nuôi 10.000 heo hậu bị tại Thửa đất số 601, Tờ bản đồ số 18, Ấp Hòa Đông A, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.

Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
Trị giá: 37.148.000.000 đồng

- Bất động sản tại: 117/3 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chủ sở hữu/Chủ sử dụng: Phạm Hùng Thắng, Trần Thị Diệu Linh

Trị giá: 3.153.000.000 đồng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	64.318.000.959	-	-	(5.412.029.000)	58.905.971.959
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang (1)</i>	<i>27.295.220.959</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(1.140.000.000)</i>	<i>26.155.220.959</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu (2)</i>	<i>37.022.780.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(4.272.029.000)</i>	<i>32.750.751.000</i>
Cộng	64.318.000.959	-	-	(5.412.029.000)	58.905.971.959

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải phát sinh trong kỳ liên quan đến các khoản dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư, chi tiết:

	Kỳ này
Số đầu năm	-
Phát sinh trong kỳ	1.069.008.429
Hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.069.008.429

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	19.761.620.663	-	119.761.620.663
Tăng vốn trong năm bằng tiền	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	45.826.798.206	-	45.826.798.206
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	65.588.418.869	-	565.588.418.869
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	65.588.418.869	-	565.588.418.869
Lợi ích cổ đông không kiểm soát do hợp nhất	-	-	3.117.325.623	3.117.325.623
Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	13.672.299	(30.165.008)	(16.492.709)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	201.117.157.591	(13.035.729)	201.104.121.862
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000	266.719.248.759	3.074.124.886	769.793.373.645

c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
Bà Bùi Hương Giang	250.000.000.000	50%	400.000.000.000	80%
Ông Phan Ngọc Ấn	150.000.000.000	30%	-	0%
Ông Lê Xuân Thọ	50.000.000.000	10%	-	0%
Bà Vũ Thị Thuỳ Dung	-	0%	50.000.000.000	10%
Ông Nguyễn Anh Tuấn	50.000.000.000	10%	50.000.000.000	10%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	5.251.315.245.083	6.636.286.034.902
<i>Doanh thu bán nông sản</i>	4.963.286.142.754	6.434.651.860.126
<i>Doanh thu chăn nuôi</i>	287.634.556.874	201.634.174.776
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	394.545.455	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(111.350.061)	-
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(111.350.061)	-
Doanh thu thuần	5.251.203.895.022	6.636.286.034.902
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán nông sản</i>	4.963.174.792.693	6.434.651.860.126
<i>Doanh thu thuần của chăn nuôi</i>	287.634.556.874	201.634.174.776
<i>Doanh thu thuần của cung cấp dịch vụ</i>	394.545.455	-

b, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	1.431.432.330	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	42.000.000	-
Cộng	1.473.432.330	-

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của nông sản đã bán	4.818.284.537.057	6.402.205.649.834
Giá vốn của chăn nuôi đã bán	155.559.180.722	127.663.021.617
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.307.350.979	-
Cộng	4.975.151.068.758	6.529.868.671.451

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	627.713.408	828.441.550
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.008.084	122.098.513
Chiết khấu thanh toán	102.481.678	302.212.355
Cộng	732.203.170	1.252.752.418

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.422.213.980	76.305.904.326
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	539.282.924
Cộng	4.422.213.980	76.845.187.250

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	881.025.214	598.634.182
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	391.320.693	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	549.022.105	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.028.120.470	39.642.387
Các chi phí khác	419.000	19.607.186
Cộng	4.849.907.482	657.883.755

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.032.357.345	1.498.633.250
Chi phí vật liệu quản lý	11.195.421	2.084.302
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.855.380.655	180.948.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	776.817.916	617.042.157
Thuế, phí và lệ phí	35.499.253	87.138.608
Lợi thuế thương mại	203.831.399	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.721.377.658	2.224.237.908
Các chi phí khác	385.970.303	682.765.006
Cộng	22.022.429.950	5.292.849.528

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	26.350.691	24.800.000
Lãi từ thanh lý heo nái, heo nọc	1.303.515.813	-
Thu nhập khác	70.074.049	459.708.340
Cộng	1.399.940.553	484.508.340

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt chậm nộp	397.181.406	-
Chi phí khác	6.052	240.690.882
Cộng	397.187.458	240.690.882

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.991.767.158	5.023.602.559
+ Công ty mẹ	43.991.767.158	5.023.602.559
+ Công ty con	-	-
+ Chi nhánh	-	-
Cộng	43.991.767.158	5.023.602.559

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	201.104.121.862	20.094.410.235
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	201.104.121.862	20.094.410.235
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	50.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.022	2.009

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	50.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.000.000	10.000.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.597.275.755	90.758.653.859
Chi phí nhân công	23.631.023.912	7.545.970.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.529.072.739	5.130.212.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.491.952.137	36.218.538.773
Chi phí khác	322.206.208	963.576.710
Cộng	387.571.530.751	140.616.952.527

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bù trừ công nợ cho vay và phải trả nhà cung cấp	1.835.173.065	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Phan Ngọc Ân - Chủ tịch HĐQT		
<i>Phải thu về bán vốn góp công ty con</i>	400.000.000	-
<i>Thu tiền bán vốn góp công ty con</i>	400.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kế toán trưởng		
<i>Phải thu về bán vốn góp công ty con</i>	800.000.000	-
<i>Thu tiền bán vốn góp công ty con</i>	800.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng ban lãnh đạo		
<i>Ông Phan Ngọc Ân</i>	230.466.769	7.875.000
<i>Bà Bùi Hương Giang</i>	221.423.077	-
<i>Bà Đỗ Thị Thùy Dung</i>	-	52.500.000
<i>Ông Nguyễn Thanh Hải</i>	122.334.615	23.650.000
<i>Bà Dương Thị Hồng Tân</i>	105.246.154	24.500.000
<i>Bà Trần Thị Hồng Nhung</i>	107.746.154	-
<i>Ông Nguyễn Bá Vinh</i>	-	24.500.000
Cộng	787.216.769	133.025.000

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	CN Công ty liên doanh liên kết
MYANMAR BAF JOINT VENTURE COMPANY LIMITED	Công ty liên doanh liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam		
Phải trả tiền vay	50.000.000.000	-
Trả tiền vay	15.600.000.000	-
Phải trả lãi vay	841.545.205	-
Phải thu về bán thành phẩm	1.431.432.330	-
Thu tiền bán thành phẩm	570.026.050	-
Góp vốn trong năm	29.400.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội		
Phải thu về cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	42.000.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.5; V.6; V.17; V.19.

2. Thông tin về bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực thương mại
- + Lĩnh vực chăn nuôi
- + Lĩnh vực dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực chăn nuôi	Lĩnh vực dịch vụ	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.963.174.792.693	287.634.556.874	394.545.455	-	5.251.203.895.022
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	56.193.050	48.794.922.748	1.200.000.000	(50.051.115.798)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.963.230.985.743	336.429.479.622	1.594.545.455	(50.051.115.798)	5.251.203.895.022
Chi phí bộ phận	(4.818.340.730.107)	(205.554.103.470)	(1.307.350.979)	50.051.115.798	(4.975.151.068.758)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	144.890.255.636	130.875.376.152	287.194.476	-	276.052.826.264
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(26.872.337.432)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					249.180.488.832
Doanh thu hoạt động tài chính					732.203.170
Chi phí tài chính					(4.422.213.980)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(328.333.668)
Thu nhập khác					1.399.940.553
Chi phí khác					(397.187.458)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(43.991.767.158)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.069.008.429)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					201.104.121.862
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	219.183.620.392	-	-	219.183.620.392
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	41.678.779.678	1.144.283.116	-	42.823.062.794

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực chăn nuôi</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>5.131.652.869.290</u>	<u>1.491.510.105.092</u>	<u>15.107.453.698</u>	<u>6.638.270.428.080</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>328.261.376.509</u>
Tổng tài sản				<u>6.966.531.804.589</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>5.953.126.705.552</u>	<u>85.430.546.212</u>	<u>-</u>	<u>6.038.557.251.764</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>158.181.179.180</u>
Tổng nợ phải trả				<u>6.196.738.430.944</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>4.346.493.488.066</u>	<u>587.101.279.223</u>	<u>-</u>	<u>4.933.594.767.289</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>312.237.828.551</u>
Tổng tài sản				<u>5.245.832.595.840</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>4.559.023.206.507</u>	<u>107.696.451.594</u>	<u>-</u>	<u>4.666.719.658.101</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>13.524.518.870</u>
Tổng nợ phải trả				<u>4.680.244.176.971</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	44.610.640.000	58.905.971.959	-	103.516.611.959
Phải trả người bán	5.798.483.395.018	184.000.000.000	-	5.982.483.395.018
Các khoản phải trả khác	65.263.397.309	-	-	65.263.397.309
Cộng	5.908.357.432.327	242.905.971.959	-	6.151.263.404.286
Số đầu năm				
Vay và nợ	10.210.640.000	64.318.000.959	-	74.528.640.959
Phải trả người bán	4.529.370.317.713	-	-	4.529.370.317.713
Các khoản phải trả khác	15.723.641.948	-	-	15.723.641.948
Cộng	4.555.304.599.661	64.318.000.959	-	4.619.622.600.620

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	187.597.922.500	68.075.924.740	187.597.922.500	68.075.924.740
Chứng khoán kinh doanh	65.097.500.000	-	65.097.500.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	17.000.000.000	12.000.000.000	17.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.493.607.285.927	3.518.691.350.382	4.493.607.285.927	3.518.691.350.382
Các khoản cho vay	19.440.794.158	25.655.967.223	19.440.794.158	25.655.967.223
Các khoản phải thu khác	114.727.524.375	116.980.575.626	114.727.524.375	116.980.575.626
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	63.695.853.748	34.624.187.416	63.695.853.748	34.624.187.416
Cộng	<u>4.956.166.880.708</u>	<u>3.781.028.005.387</u>	<u>4.956.166.880.708</u>	<u>3.781.028.005.387</u>
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	103.516.611.959	74.528.640.959	103.516.611.959	74.528.640.959
Phải trả người bán	5.982.483.395.018	4.529.370.317.713	5.982.483.395.018	4.529.370.317.713
Các khoản phải trả khác	65.263.397.309	15.723.641.948	65.263.397.309	15.723.641.948
Cộng	<u>6.151.263.404.286</u>	<u>4.619.622.600.620</u>	<u>6.151.263.404.286</u>	<u>4.619.622.600.620</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Thông tin tăng vốn

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, Công ty đã được UBCK cấp Giấy chứng nhận Chào bán cổ phiếu ra công chúng số 89/GNĐ-UBCK. Theo đó Công ty được đăng ký chào bán lần đầu ra công chúng 28.000.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời điểm phát hành báo cáo này, các cổ đông và nhà đầu tư đang trong quá trình nộp tiền mua cổ phần theo Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 15/2021/TB-BAF ngày 29/07/2021.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được lập bởi Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Đạt

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Bùi Hương Giang